

Phụ lục 9

**SỞ GD&ĐT LONG AN
TRƯỜNG THPT CẦN ĐƯỚC**

THÔNG BÁO

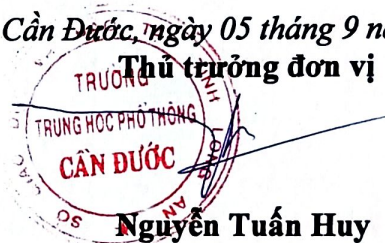
**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông,
năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	- Trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh lớp 10	- Đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ GD&ĐT	
		- Chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định của Sở GD&ĐT Long An.		
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	CT GDPT 2018	CT GDPT 2018	CT GDPT 2006
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Phối hợp Nhà trường và gia đình phối hợp chặt chẽ trong việc quản lí, giáo dục toàn diện học sinh, thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy, nhà trường. Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao.		
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo hỗ trợ các hoạt động học tập, giáo dục giáo dục đạo đức, giáo dục kĩ năng sống, lối sống, bồi dưỡng lí tưởng cách mạng cho học sinh		
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Tuyển sinh vào lớp 10 đạt 100% - Tỷ lệ học sinh hạnh kiểm Tốt, Khá (98%), không có học sinh xếp loại yếu - Tỷ lệ học sinh đạt học lực khá, giỏi phần đầu 90% - Lên lớp từ khối 10, 11 đạt trên 98% - Tỷ lệ bỏ học trong năm dưới 1%. - Tỷ lệ HS lưu ban dưới 0% - Tỷ lệ HS thi lại dưới 2% - Tốt nghiệp THPT đạt 100% - Hiệu quả đào tạo: phần đầu 99% - Học sinh giỏi văn hóa cấp tỉnh: phần đầu từ 21 học sinh * Lớp chất lượng cao - Học 02 buổi: 100% - Tỷ lệ học sinh hạnh kiểm Tốt, Khá: 100% - Tỷ lệ học sinh đạt học lực Khá, Giỏi: 100%		

		- Tham gia chương trình Tiếng Anh, Tin học tăng cường: 100% - Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường, khám bệnh, không để xảy ra tai nạn thương tích và giao thông đối với HS.	
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	98 % lên lớp thẳng 2% đủ khả năng học trung cấp nghề	65% đậu vào ĐH, 25 % CĐ, TCCN; tham gia thị trường lao động

Cần Đức, ngày 05 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Tuấn Huy

Phụ lục 10 – Đại trà
SỞ GD&ĐT LONG AN
TRƯỜNG THPT CẦN ĐỨC

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1078	250	318	510
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)		99.20%	98.11%	99.80%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		0.80%	1.89%	0.20%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1078	250	318	510
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)		24.80%	33.02%	66.86%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		73.60%	61.32%	30.78%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)		1.60%	5.66%	2.36%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1078	250	318	510
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)		100%	100%	100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)		24.80%	33.02%	66.86%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)		73.60%	61.32%	30.78%
2	Thi lại				

	(tỷ lệ so với tổng số)				
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0.19%	0	0.63%	0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0.09%	0	0.31%	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi		0	0	16
1	Cấp huyện				
2	Cấp tỉnh/thành phố		0	0	16
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghệp				510
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghệp				510
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)				81.3%
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	429/649	89/161	131/187	209/301
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0

Cần Đức, ngày 05 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

TRƯỜNG
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
CẦN ĐỨC
SỐ 10 ĐƯỜNG 10/11, PHƯỜNG 10, TỈNH LONG AN

Nguyễn Tuấn Huy

Phụ lục 10 – Chất lượng cao
SỞ GD&ĐT LONG AN
TRƯỜNG THPT CẦN ĐƯỚC

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	282	144	138	0
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)		100%	100%	0
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực		144	138	0
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)		63.89%	96.38%	0
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		36.11%	3.62%	0
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)		100%	100%	0
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)		63.89%	96.38%	0
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)		36.11%	3.62%	0
2	Thi lại		0	0	0

	(tỷ lệ so với tổng số)				
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi		0	5	
1	Cấp huyện				
2	Cấp tỉnh/thành phố		0	5	
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế		0	0	
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp		0	0	0
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp		0	0	0
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ		59/85	42/96	0
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số		0	0	0

Cần Đước, ngày 05 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Tuấn Huy

Phụ lục 11

**SỞ GD&ĐT LONG AN
TRƯỜNG THPT CẦN ĐƯỚC**

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	24	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	24	1344 m ² /1299hs
2	Phòng học bán kiên cố	00	
3	Phòng học tạm	00	
4	Phòng học nhờ	00	
5	Số phòng học bộ môn	6	252m ²
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	84m ² /1299hs
7	Bình quân lớp/phòng học	34/24	34/24
8	Bình quân học sinh/lớp	38,20/34	1299/34
III	Số điểm trường		
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	38094m ²	38094m ² /1299hs
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	15000m ²	15000m ² /1299
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1344m ²	1344m ² /1299hs
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	512m ²	512m ² /1299
3	Diện tích thư viện (m ²)	256m ²	256m ² /1299
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	626,8m ²	626,8m ²
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	41,6m ²	41,6m ²
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10	13	13/12
1.2	Khối lớp 11	13	13/10
1.3	Khối lớp 12	13	13/12
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 10		

2.2	Khối lớp 11		
2.3	Khối lớp 12		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	1	180
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	14	14/34
2	Cát xét	8	8/34
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	5	5/34
5	Máy chiếu		
6	Bảng tương tác	2	2/34

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	/
XI	Nhà ăn	/

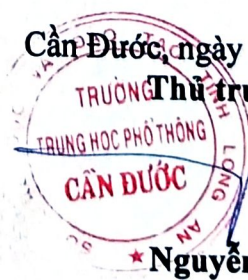
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	/	/	/
XIII	Khu nội trú	/	/	/

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	5		6/6		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Lưới	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Cần Đước, ngày 05 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị


 Nguyễn Tuấn Huy

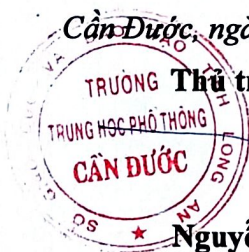
SỞ GD&ĐT LONG AN
TRƯỜNG THPT CẦN ĐƯỚC

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024

[illegible]

4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	0													
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0													
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0													
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0													
IV	Hợp đồng	4													
1	Bảo vệ	2					2								
2	Tạp vụ	2					2								

Cần Đước, ngày 05 tháng 9 năm 2023



Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Tuấn Huy